



CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán độc lập

4

Các Báo cáo tài chính

• Bảng cân đối kế toán

5 - 6

• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

• Thuyết minh Báo cáo tài chính

9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 227/QĐ-NXBGD ngày 27/02/2009 của Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035463 ngày 05/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 03 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/03/2015 với mã số doanh nghiệp là 0103488607), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2015: 15.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 04.35122068
- Fax: (84) 04.35121941
- Website: xbgdhn.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD, các xuất bản phẩm và các tài liệu khác;
- In và phát hành các xuất bản phẩm;
- Sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản;
- Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy-học;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm;
- Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các lớp học, bậc học (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (Trừ loại Nhà nước cấm).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 112 người. Trong đó nhân viên quản lý là 26 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--|
| • Ông Vũ Văn Hùng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Ông Nguyễn Quý Thao | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014
Miễn nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Ông Phan Kế Thái | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014
Miễn nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Ông Phan Xuân Thành | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Ông Vũ Văn Dương | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Bà Phạm Thị Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đào Xuân Hòa | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Bà Vũ Thị Hương Giang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |
| • Ông Lê Hồng Sơn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 07/04/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|---|
| • Ông Phan Xuân Thành | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2015 |
| • Ông Phan Kế Thái | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/03/2009
Miễn nhiệm 01/02/2015 |
| • Ông Vũ Văn Dương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 21/03/2009 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2015 |
| | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 21/03/2009 |
| • Bà Phạm Thị Hồng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2015 |
| • Ông Chu Quang Tuyền | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

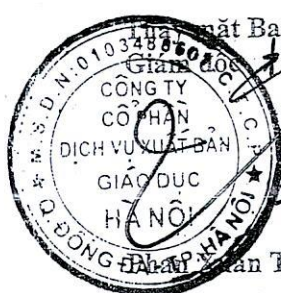
Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

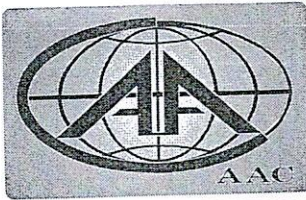
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đã ký và in Thành

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 349/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/03/2016, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Huỳnh Thu Trang – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2298-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.196.435.528	21.850.022.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.902.450.775	4.088.355.281
1. Tiền	111	5	902.450.775	4.088.355.281
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.434.568.373	15.544.164.946
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.a	20.028.427.066	15.322.785.184
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.414.000	12.972.876
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	1.370.727.307	208.406.886
IV. Hàng tồn kho	140		2.419.438.346	2.100.311.729
1. Hàng tồn kho	141	9	2.419.438.346	2.100.311.729
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		439.978.034	117.190.900
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	145.692.596	117.190.900
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		294.285.438	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.672.229.803	8.257.414.412
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.802.337.546	7.461.793.333
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7.b	1.802.337.546	7.461.793.333
II. Tài sản cố định	220		46.069.999	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	46.069.999	-
- Nguyên giá	222		1.798.075.838	1.705.935.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.752.005.839)	(1.705.935.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.580.640.840	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	12	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.580.640.840	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		243.181.418	795.621.079
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	243.181.418	795.621.079
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.868.665.331	30.107.437.268

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.022.787.786	8.113.417.858
I. Nợ ngắn hạn	310		7.634.902.440	8.113.417.858
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	4.884.348.143	4.186.419.835
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.a	3.128.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.120.255.181	849.883.959
4. Phải trả người lao động	314		211.251.574	1.390.742.319
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	224.325.598	236.374.221
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.000.000.000	655.636.400
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		191.593.944	794.361.124
II. Nợ dài hạn	330		24.387.885.346	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	14.b	24.387.885.346	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.845.877.545	21.994.019.410
I. Vốn chủ sở hữu	410		21.845.877.545	21.994.019.410
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	2.308.623.756	1.897.484.968
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	4.537.253.789	5.096.534.442
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	18	1.429.826.260	985.146.570
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18	3.107.427.529	4.111.387.872
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.868.665.331	30.107.437.268



Hàng nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Chu Quang Tuyền

Người lập biểu

Ma Thị Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	59.937.957.882	66.028.894.965
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	645.506.795	269.033.599
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		59.292.451.087	65.759.861.366
4. Giá vốn hàng bán	11	21	38.889.540.051	43.927.484.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		20.402.911.036	21.832.376.893
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	15.149.611	23.848.959
7. Chi phí tài chính	22	23	161.527.389	254.103.722
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		161.527.389	254.103.722
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	5.544.312.555	6.100.937.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	10.550.321.885	9.929.853.886
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.161.898.818	5.571.330.945
11. Thu nhập khác	31	25	29.951.175	23.393.736
12. Chi phí khác	32	26	7.450.304	101.406.710
13. Lợi nhuận khác	40		22.500.871	(78.012.974)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.184.399.689	5.493.317.971
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	976.972.160	1.381.930.099
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.207.427.529	4.111.387.872
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.072	2.071
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	2.072	2.071



Khuôn Thành
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Chu Quang Tuyền

Người lập biểu

Ma Thị Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		84.637.278.338	66.537.033.776
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(37.326.247.547)	(44.097.095.138)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.014.539.795)	(16.790.396.505)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	22	(161.527.389)	(254.103.722)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	14	(754.804.526)	(937.290.504)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		326.540.766	1.230.322.264
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.094.045.564)	(5.177.513.978)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>25.612.654.283</u>	<u>510.956.193</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(16.908.072.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21	15.149.611	23.848.959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(16.892.922.389)</u>	<u>23.848.959</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	16	3.192.151.397	6.919.278.294
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	16	(2.847.787.797)	(8.173.454.986)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17.e	(2.250.000.000)	(2.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(1.905.636.400)</u>	<u>(3.504.176.692)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		<u>6.814.095.494</u>	<u>(2.969.371.540)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	4.088.355.281	7.057.726.821
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5;6	<u>10.902.450.775</u>	<u>4.088.355.281</u>



Trần Xuân Thành

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Chu Quang Tuyền

Người lập biểu

Ma Thị Thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 227/QĐ-NXBGD ngày 27/02/2009 của Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035463 ngày 05/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/03/2015 với mã số doanh nghiệp là 0103488607), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2015: 15.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD, các xuất bản phẩm và các tài liệu khác;
- In và phát hành các xuất bản phẩm;
- Sửa bản in, định chỉnh bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản;
- Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy-học;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm;
- Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các lớp học, bậc học (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (Trừ loại Nhà nước cấm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1.4. Chu kỳ kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 34) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí thuê kho phân bổ đều theo số tháng đi thuê;
- Thuế GTGT không được khấu trừ của hàng tồn kho phân bổ vào giá vốn theo giá trị xuất bán trong kỳ;
- Chi phí thiết kế, chế bản phân bổ theo thời gian quy định trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Bán thảo sách, nhuận bút tác giả thuộc đối tượng không chịu thuế; Đối với dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản, đọc rà soát áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	532.704.521	154.573.406
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	369.746.254	3.933.781.875
Cộng	<u>902.450.775</u>	<u>4.088.355.281</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền gửi kỳ hạn 1 tuần	5.000.000.000	-
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	5.000.000.000	-
Cộng	10.000.000.000	-

7. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.608.512.209	5.191.550.849
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	3.799.093.083	1.232.554.693
Các đối tượng khác	12.620.821.774	8.898.679.642
Cộng	20.028.427.066	15.322.785.184

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	1.802.337.546	7.461.793.333
Cộng	1.802.337.546	7.461.793.333

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	643.356.715	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	3.608.512.209	5.191.550.849
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.016.931.216	1.613.709.799
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	1.534.475.408	489.236.466
Công ty CP Sách giáo dục tại TP HCM	Chung Công ty đầu tư	1.348.393.359	1.102.904.623
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	5.601.430.629	8.694.348.026
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	368.300.311	870.360.658
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	873.981.708	104.012.456
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	358.387.129	59.328.000
Cộng		15.353.768.684	18.125.450.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
TCT Bảo hiểm Bảo Việt (*)	955.691.321	-	-	-
Tạm ứng	142.034.500	-	92.434.500	-
Thu nợ lương khoán biên tập viên	15.972.386	-	15.972.386	-
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam (*)	100.000.000	-	100.000.000	-
Phải thu khác	157.029.100	-	-	-
Cộng	1.370.727.307	-	208.406.886	-

(*) Khoản phải thu TCT Bảo hiểm Bảo Việt là khoản đền bù giá trị hàng bị ngập nước theo Hợp đồng số 138886 ngày 29/05/2015 và Thư chấp nhận bồi thường số 170/BHBV-GĐBT ngày 14/01/2016.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.372.196	-	39.748.764	-
Chi phí SX, KD dở dang	89.252.000	-	78.138.120	-
Thành phẩm	1.832.872.726	-	894.703.021	-
Hàng hóa	486.941.424	-	1.087.721.824	-
Cộng	2.419.438.346	-	2.100.311.729	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015 là 0 đồng.
Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, ứng động, chậm luân chuyển tại thời điểm 31/12/2015 là 0 đồng.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ hàng tồn kho	41.043.506	12.541.810
Chi phí thuê kho	104.649.090	104.649.090
Cộng	145.692.596	117.190.900

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí thiết, kế chế bản	243.181.418	795.621.079
Cộng	243.181.418	795.621.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.343.662.312	362.273.526	1.705.935.838
Mua sắm trong năm	-	92.140.000	92.140.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.343.662.312</u>	<u>454.413.526</u>	<u>1.798.075.838</u>
Khấu hao			
Số đầu năm	1.343.662.312	362.273.526	1.705.935.838
Khấu hao trong năm	-	46.070.001	46.070.001
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.343.662.312</u>	<u>408.343.527</u>	<u>1.752.005.839</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>46.069.999</u>	<u>46.069.999</u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.705.935.838 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Chuyển nhượng văn phòng làm việc	16.580.640.840	-
Cộng	<u>16.580.640.840</u>	<u>-</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	1.909.816.392	1.852.552.021
Xí nghiệp Bàn Đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc Địa bản đồ	645.656.833	622.455.914
Các Công ty khác	2.328.874.918	1.711.411.900
Cộng	<u>4.884.348.143</u>	<u>4.186.419.835</u>

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Đầu tư tài chính giáo dục	Chung Công ty đầu tư	224.576.872	112.500.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư	1.909.816.392	1.852.552.021
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	305.177.379	316.931.600
Các công ty khác		116.612.100	255.042.607
Cộng		<u>2.556.182.743</u>	<u>2.537.026.228</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Người mua trả tiền trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Các đối tượng khác	3.128.000	-
Cộng	3.128.000	-

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	24.387.885.346	-
Cộng	24.387.885.346	-

(*) Hợp đồng Số :1964 /HĐKT/2015SGK ứng trước "Tổ chức bản thảo Sách giáo khoa (SGK), Sách bổ trợ (SBT) mới" với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đồng thời là bên liên quan. Thời hạn quyết toán theo hợp đồng bắt đầu từ năm 2018.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	21.901.792	697.252.397	719.154.189	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	567.370.017	976.972.160	754.804.526	789.537.651
Thuế thu nhập cá nhân	260.612.150	1.470.794.248	1.400.688.868	330.717.530
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	849.883.959	3.148.018.805	2.877.647.583	1.120.255.181

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	68.106.680	120.373.377
Thuế TNCN của CBNV nộp thừa	60.228.958	45.016.884
Hoa hồng môi giới phải trả	95.989.960	70.983.960
Cộng	224.325.598	236.374.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	655.636.400	3.192.151.397	2.847.787.797	1.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và PT -CN Ba Đình	655.636.400	1.192.151.397	1.847.787.797	-
- Công ty Đầu tư Tài chính Giáo dục	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
- CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	655.636.400	3.192.151.397	2.847.787.797	1.000.000.000

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	15.000.000.000	744.604.255	744.604.255	4.547.561.257
Tăng trong năm	-	204.138.229	204.138.229	4.111.387.872
Giảm trong năm	-	-	-	3.562.414.687
Số dư tại 31/12/2014	15.000.000.000	948.742.484	948.742.484	5.096.534.442
Chuyển số dư (*)	-	948.742.484	(948.742.484)	-
Số dư tại 01/01/2015	15.000.000.000	1.897.484.968	-	5.096.534.442
Tăng trong năm	-	411.138.788	-	3.207.427.529
Giảm trong năm	-	-	-	3.766.708.182
Số dư tại 31/12/2015	15.000.000.000	2.308.623.756	-	4.537.253.789

(*) Chuyển số dư quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo quy định của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.900.000.000	3.900.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.100.000.000	11.100.000.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 15/01/2015 đã quyết định chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng 2.250.000.000 đồng). Số cổ tức này Công ty đã chi hết trong năm 2015.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.096.534.442	4.547.561.257
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	3.207.427.529	4.111.387.872
Phân phối lợi nhuận	3.766.708.182	3.562.414.687
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	3.666.708.182	3.562.414.687
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	411.138.788	204.138.229
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	204.138.229
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.005.569.394	904.138.229
+ Trả cổ tức	2.250.000.000	2.250.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	100.000.000	-
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	100.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>4.537.253.789</u>	<u>5.096.534.442</u>

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 và tạm phân phối lợi nhuận năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/01/2015.

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu dịch vụ tổ chức bàn thảo	26.618.582.217	32.995.480.374
Doanh thu bán sách	18.974.171.350	17.759.877.872
Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	1.996.890.618	2.336.065.111
Nhuận bút	10.890.548.840	12.635.274.880
Doanh thu khác	1.457.764.857	302.196.728
Cộng	<u>59.937.957.882</u>	<u>66.028.894.965</u>

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	645.506.795	269.033.599
Cộng	<u>645.506.795</u>	<u>269.033.599</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn dịch vụ tổ chức bán thảo	13.923.729.984	16.448.666.609
Giá vốn bán sách	12.948.516.042	13.246.798.655
Giá vốn dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	780.174.925	1.596.744.329
Nhuận bút	10.890.548.840	12.635.274.880
Giá vốn khác	346.570.260	-
Cộng	<u>38.889.540.051</u>	<u>43.927.484.473</u>

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.149.611	23.848.959
Cộng	<u>15.149.611</u>	<u>23.848.959</u>

23. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	161.527.389	254.103.722
Cộng	<u>161.527.389</u>	<u>254.103.722</u>

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Nhân viên bán hàng	2.204.776.214	2.255.333.441
Chi phí thuê kho, văn phòng	354.502.578	348.208.130
Chi phí vận chuyển sách	357.555.839	267.459.327
Chi phí giao dịch, hội nghị khách tiết	387.879.408	528.058.725
Chi phí bán hàng khác	2.239.598.516	2.701.877.676
Cộng	<u>5.544.312.555</u>	<u>6.100.937.299</u>

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	3.146.447.514	3.002.057.052
Chi phí tổ chức họp	839.650.000	564.755.556
Giao dịch, hội nghị, khách tiết	785.574.678	666.705.847
Chi phí khác	5.778.649.693	5.696.335.431
Cộng	<u>10.550.321.885</u>	<u>9.929.853.886</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Bảo hiểm đền bù	27.191.716	-
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	2.710.907	5.749.998
Các khoản khác	48.552	17.643.738
Cộng	29.951.175	23.393.736

26. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Phạt vi phạm hành chính thuế	7.391.039	97.470.414
Các khoản khác	59.265	3.936.296
Cộng	7.450.304	101.406.710

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.184.399.689	5.493.317.971
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	32.141.039	97.470.414
- Điều chỉnh tăng	32.141.039	97.470.414
+ Phạt vi phạm hành chính về thuế	7.391.039	97.470.414
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	24.750.000	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.216.540.728	5.590.788.385
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	976.972.160	1.381.930.099
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	927.638.960	1.229.973.445
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	49.333.200	151.956.654

28. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.207.427.529	4.111.387.872
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(100.000.000)	(1.005.569.394)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.107.427.529	3.105.818.478
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	2.072	2.071

(*) Chi tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2015 đã được điều chỉnh tương ứng với ảnh hưởng của số liệu tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm. Số liệu chi tiêu này có thể thay đổi khi có quyết định chính thức về phân phối lợi nhuận năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân công	19.966.249.188	17.407.992.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.070.001	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.799.316.690	22.949.878.041
Chi phí khác bằng tiền	9.009.884.667	6.477.226.754
Cộng	46.821.520.546	46.835.097.721

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh sách và dịch vụ xuất bản giáo dục (bao gồm tổ chức bản thảo, biên tập, chế bản,...) và một địa lý chính là Thủ đô Hà Nội, Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro khi có biến động về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá xảy ra khi giá của nguyên liệu, hàng hóa đầu vào biến động. Với ngành nghề kinh doanh chính là tổ chức biên soạn, sửa bản in, đánh chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo, thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản... chi phí đầu vào chủ yếu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là chi phí nhân công (nhuận bút, đọc đánh chính, đọc góp ý, đọc thẩm định...) và các chi phí sản xuất chung khác (tiền phim, công in...). Chi phí nhân công chủ yếu phải trả cho các tác giả đã cộng tác nhiều năm với các Công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, khoản chi phí này tương đối ổn định trong những năm qua. Đối với chi phí công in, tiền phim, Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với giá bán thấp nhất có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

thê, tập trung số lượng đặt hàng lớn để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá từ nhà cung cấp đồng thời theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý nhất. Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty Sách Thiết bị trường học, các Công ty thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục, các Phòng giáo dục. Đây là các khách hàng phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán kịp thời. Do đó Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng và đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.884.348.143	-	4.884.348.143
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải trả khác	156.218.918	-	156.218.918
Cộng	6.040.567.061	-	6.040.567.061
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.186.419.835	-	4.186.419.835
Vay và nợ thuê tài chính	655.636.400	-	655.636.400
Phải trả khác	116.000.844	-	116.000.844
Cộng	4.958.057.079	-	4.958.057.079

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.902.450.775	-	10.902.450.775
Phải thu khách hàng	20.028.427.066	1.802.337.546	21.830.764.612
Phải thu khác	1.212.720.421	-	1.212.720.421
Cộng	32.143.598.262	1.802.337.546	33.945.935.808
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.088.355.281	-	4.088.355.281
Phải thu khách hàng	15.322.785.184	7.461.793.333	22.784.578.517
Phải thu khác	100.000.000	-	100.000.000
Cộng	19.511.140.465	7.461.793.333	26.972.933.798

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư tài chính giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Diên Hồng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Giao dịch của Công ty với các bên liên quan

Công ty liên quan	Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
	Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Tiền công biên tập	2.385.995.101	767.338.520
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Tiền công biên tập, TKCB đọc đính chính, đọc rà soát, bán sách	4.252.490.193	2.304.788.280
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Bản thảo STK, Nhuận bút, bán sách	3.647.017.200	7.517.473.375
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Bản thảo STK, Nhuận bút, bán sách	6.190.730.683	11.383.657.536
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT	2.998.121.936	4.785.663.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT	7.696.366.900	6.604.996.836
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT	3.257.306.258	3.103.510.330
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT	7.043.879.804	6.611.408.538
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT, bán sách	2.619.940.813	3.261.422.545
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Bản thảo sách, Nhuận bút, bán sách	2.789.377.259	2.143.377.310
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Bản thảo sách, Nhuận bút, DVBT, bán sách	2.774.413.600	1.856.787.090
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Bán sách	1.194.036.650	1.150.214.120
	Mua hàng		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cơ sở vật chất, điện, nước, Phí Quản lý xuất bản	1.818.903.552	1.186.977.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách	2.073.109.080	2.657.811.410
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Mua sách, lịch	871.883.000	792.910.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Mua sách	644.293.000	831.273.210
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Mua sách	3.287.897.900	2.913.809.240
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Tiền TKCB sách	2.008.765.901	3.436.179.265
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	In sách	588.245.779	469.937.748

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	01/01/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác	15.972.386	208.406.886
Tài sản ngắn hạn khác	92.434.500	-
Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	948.742.484	1.897.484.968
Quỹ dự phòng tài chính	948.742.484	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.741	2.071



Nguyễn Xuân Thành

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Chu Quang Tuyền

Người lập biểu

Ma Thi Thu